TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 4 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông **Nguyễn Văn Ngọc**.
2/- Bà **Nguyễn Thị Mai Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp**

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Ông **A**. sinh năm 1973. Địa chỉ: đường B, phường C, quận D, thành phố Cần Thơ.

2. <u>Bị đơn</u>: Bà **E**. sinh năm 1964. Địa chỉ: Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông A trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Năm 2013 ông và bà E quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 04/3/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà E sống ở Canada, chỉ thỉnh thoảng về Việt Nam thăm ông vào dịp tết Nguyên Đán. Ông có khuyên vợ nên trở về Việt Nam ở luôn để vợ chồng được gần gũi bên nhau, nhưng bà E không đồng ý, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin được ly hôn với bà E. Về con cái, tài sản và nợ chung ông xác định không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn xin ly hôn vắng mặt ngày 05/3/2018 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn bà E trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, vấn đề con cái, tài sản và nợ chung phù hợp với phần trình bày của ông A. Bà E cũng xác nhận tình cảm vợ chồng rạn nứt do xa cách, nên đồng ý ly hôn. Đồng thời do điều kiện, hoàn cảnh bà phải làm việc ở xa, nên yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, cam đoan không có khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bên đương sự đã tự khai và đồng ý ly hôn, cùng xác định không có tài sản, con cái và nợ, vì vậy Tòa án không có thu thập chứng cứ; Bị đơn bà E đã có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và không có đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia.

[2] Ông A và bà E xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Do bà E là người mang quốc tịch và hiện đang định cư tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông A, mặc dù ông bà xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Nhưng sau khi cưới, thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều, chỉ đến dịp tết Nguyên Đán bà E mới về nước và vợ chồng mới được ở bên nhau. Vì vậy, lâu dần tình cảm rạn nứt và phai nhạt. Cả hai không thể thực hiện trọn vẹn đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nhằm vun bồi, bảo tồn hạnh phúc. Thế nên động lực để duy trì tình cảm vợ chồng không có, hạnh phúc không đạt được, dẫn đến hôn nhân đỗ vỡ là điều tất yếu.

Xét ông bà đã sống ly thân, không có cơ hội hàn gắn và thực sự cả hai cũng không mong muốn duy trì cuộc hôn nhân không kết quả này. Cả hai bên cũng đã thể hiện ý chí nguyện vọng mong muốn được ly hôn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai bên thống nhất trình bày không có, không đặt ra yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch: Nguyên đơn ông A phải chịu 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, Điều 37, Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.*

- Về hôn nhân: Cho ông A được ly hôn với bà E.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông A và bà E xác định không có, nên không điều chỉnh.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 000443 ngày 10/11/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông A đã nộp xong án phí.

Ông A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà E có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Tuấn Quốc

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND.TPCT.
- Cục THA.TPCT.
- UBND.Q. D. TPCT
- Lưu (HS - 2b)